

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN R.V**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN R.V

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: R.V DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0315457470

**3. Ngày thành lập:** 03/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

69/33 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây cà phê<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0126     |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                        | 5510     |
| 3.  | Khai thác và thu gom than non<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0520     |
| 4.  | Khai thác quặng kim loại quý hiếm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                               | 0730     |
| 5.  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                    | 0722     |
| 6.  | Trồng cây ăn quả<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0121     |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, quản lý, môi giới bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý)                                                                                                                                                                            | 6820     |
| 8.  | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3511     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không); Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hoá lỏng khí để vận chuyển) | 5229     |
| 10. | Truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3512     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Trồng cây lấy quả chứa dầu<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                       | 0122 |
| 12. | Trồng cây hồ tiêu<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                | 0124 |
| 13. | Trồng cây cao su<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                 | 0125 |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                  | 7410 |
| 15. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                    | 0150 |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về công nghệ, môi trường; Hoạt động môi giới thương mại; Hoạt động dịch thuật                                                        | 7490 |
| 17. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                  | 0810 |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                    | 4662 |
| 19. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                | 1621 |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu đá thiên nhiên, đá nhân tạo;<br>Bán buôn, xuất nhập khẩu phân bón (không tồn trữ hóa chất);<br>Bán buôn, xuất nhập khẩu kim khí điện máy | 4669 |
| 21. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                               | 2394 |
| 22. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                  | 4632 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                     | 4659 |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)                                                                                                    | 4649 |
| 25. | Khai thác quặng sắt<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                              | 0710 |
| 26. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan<br>Chi tiết: Gia công vàng bạc, đá quý (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                   | 3211 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                       | 4653 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 28. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                              | 1610        |
| 29. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>(trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)                                                                                                                                                                                    | 4661        |
| 30. | Trồng cây điều<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                              | 0123        |
| 31. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                           | 2395        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                        | 4752        |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                | 4663(Chính) |
| 34. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 35. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4212        |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).                                                                                                                                                                                                                          | 5630        |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 38. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                               | 2396        |
| 39. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610        |
| 40. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                     | 0128        |
| 41. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                        | 4511        |
| 42. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4541        |
| 43. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                | 0891        |
| 44. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4299        |
| 45. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) | 4772        |
| 46. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                      | 0210        |
| 47. | Khai thác và thu gom than cứng<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                              | 0510        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 48. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh). | 8230                                                                |
| 49. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                            | 4312                                                                |
| 50. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                              | 3100                                                                |
| 51. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                     | 4641                                                                |
| 52. | Khai thác và thu gom than bùn<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                              | 0892                                                                |
| 53. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Bán buôn, xuất nhập khẩu nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)                                                              | 4620                                                                |
| 54. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                              | 2393                                                                |
| 55. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **VÕ VĂN THIÊN TUỜNG**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *01/01/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *225101468*

Ngày cấp: *05/11/2011*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Khánh Hòa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Suối Cát, Xã Cam Hiệp Nam, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *69/33 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VÕ VĂN THIÊN TUỜNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/01/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *225101468*

Ngày cấp: *05/11/2011*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Khánh Hòa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Suối Cát, Xã Cam Hiệp Nam, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *69/33 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh*